

HƯỚNG DẪN

Kiểm tra định kì giữa kì II và cuối năm học 2018-2019 cấp tiểu học

Thực hiện công văn số 798/SGDDĐT-GDMN-GDTH ngày 01/4/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Long An về hướng dẫn kiểm tra định kì giữa kì II và cuối năm học 2018-2019 cấp tiểu học; Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) hướng dẫn việc kiểm tra định kì giữa học kì II và cuối học 2018-2019 như sau:

1. Việc kiểm tra định kì giữa học kì II và cuối năm học 2018-2019 cấp tiểu học do Hiệu trưởng các trường sắp xếp lịch cho phù hợp với kế hoạch năm học.

2. Đề kiểm tra: Phòng Giáo dục và Đào tạo **giao nhiệm vụ cho Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện** (phân công soạn và duyệt đề) với các yêu cầu sau:

- **Thực hiện theo Thông tư 30 và Thông tư 22;**
- **Đảm bảo theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp;**
- **Chính xác, khoa học và đánh giá được kết quả thực chất của học sinh.**

3. Việc coi, chấm bài kiểm tra định kì giữa học kì II, cuối năm học và nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh.

Đối với lớp 4,5 có thêm bài kiểm tra định kì môn Tiếng Việt, môn Toán vào giữa học kì I và giữa học kì II Quy định tại khoản 2 điểm b Điều 13 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

a) *Đối với học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4:* Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm ra đề kiểm tra, coi, chấm bài kiểm tra.

Về việc bàn giao: Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo Quy định tại khoản 2 điểm a Điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

b) *Đối với học sinh khối lớp 5:*

- Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kì cuối năm học cho cả khối; tổ chức coi, chấm bài kiểm tra có sự tham gia của giáo viên trường trung học cơ sở trên cùng địa bàn; Giáo viên chủ nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá học sinh, bàn giao cho nhà trường theo Quy định tại khoản 2 điểm b Điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Kiểm tra định kì giữa học kì II và cuối năm học 2018-2019 là việc làm bình thường nhằm đánh giá chất lượng dạy học. Do đó, hiệu trưởng nhắc nhở giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra. Trong khi kiểm tra, giáo viên tổ chức cho học sinh làm dưới dạng một bài kiểm tra bình thường, nhẹ nhàng, không gây căng thẳng.



Bài kiểm tra được giáo viên sửa lỗi, nhận xét, theo thang 10 điểm, không cho điểm 0, không cho điểm thập phân và được trả lại cho học sinh. Điểm của bài kiểm tra định kì không dùng để so sánh học sinh này với học sinh khác. Nếu kết quả bài kiểm tra cuối kì I và cuối năm học bất thường so với đánh giá thường xuyên, giáo viên đề xuất với hiệu trưởng nhà trường có thể cho học sinh làm bài kiểm tra khác để đánh giá đúng kết quả học tập của học sinh theo Quy định khoản 2 điểm b Điều 10 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Về công tác nghiệm thu, bàn giao chất lượng giáo dục học sinh Phòng GD&ĐT yêu cầu hiệu trưởng nhà trường thực hiện theo khoản 3 điều 15 của văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

4. Đối với các môn kiểm tra cần bám sát những Quy định tại khoản 2 điểm b Điều 10 văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 28/9/2016 của Thông tư Ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học, cụ thể đối với từng môn cần lưu ý:

4.1. Môn Toán:

4.1.1. Thời gian làm bài:

- Lớp 1: 35 phút
- Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút

4.1.2. Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

a) Đối với lớp 1:

- Số học khoảng 90%
- Hình học khoảng 10%.

Tỉ lệ các mức:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 30% (3 câu);
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30% (3 câu);
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30% (3 câu);

- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10% (1 câu).

b) Đối với lớp 2,3:

- Số học khoảng 70%
- Đại lượng và đo đại lượng khoảng 13%
- Hình học khoảng 17%.

Tỉ lệ các mức:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 30% (3 câu)
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30% (3 câu)
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30% (3 câu).

- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10% (1 câu).

c) Đối với lớp 4,5:

- Số học khoảng 67%
- Đại lượng và đo đại lượng khoảng 23%
- Hình học khoảng 10%.

Tỉ lệ các mức:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 20% (2 câu)



- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20% (2 câu)
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30% (3 câu)
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30% (3 câu).

4.1.3. Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Toán theo Thông tư 22.)

4.2. Môn Tiếng Việt:

Kiểm tra định kì có 2 bài kiểm tra: Đọc, viết, bao gồm:

+ Bài kiểm tra đọc: (10 điểm).

+ Bài kiểm tra viết: (10 điểm).

Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt (điểm chung) là trung bình cộng của 2 bài kiểm tra Đọc, Viết quy về thành 10 (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn 0,5 thành 1. Ví dụ: điểm thực tế của 2 bài kiểm tra Đọc, Viết là 19, quy về thang điểm 10 (9,5 làm tròn số thành 10).

4.2.1. Thời gian làm bài: khoảng 35-40 phút

4.2.2. Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

a) Đối với lớp 1:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 30%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 40%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 20%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10%.

b) Đối với lớp 2,3:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 30%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: 20%.

c) Đối với lớp 4,5:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

4.2.3. Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Tiếng Việt theo Thông tư 22).

4.3. Môn Khoa học, Lịch sử & Địa lý:

4.3.1. Thời gian làm kiểm tra: từ 35 đến 40 phút.

4.3.2. Khoa học: gồm 12 câu hỏi, trong đó: 20% tự luận, 80% trắc nghiệm.

* Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:

- Mức 1+2: Nhận biết, thông hiểu: khoảng 60%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;



- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10%.

**Ra đề kiểm tra theo ma trận*

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Khoa học theo Thông tư 22).

4.3.3. *Lịch sử & Địa lý*: bài kiểm tra mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của môn. Gồm 10 câu, trong đó: Lịch sử 5 câu, Địa lý 5 câu (tự luận khoảng 40%, trắc nghiệm khoảng 60%).

** Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:*

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 30%;

- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 40%;

- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 20%;

- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 10%.

** Ra đề kiểm tra theo ma trận*

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Lịch sử & Địa lý theo Thông tư 22).

4.3.4. *Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn*:

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Phần lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn;

- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất;

- Hạn chế đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

4.3.5. *Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận*:

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đo;



- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;
- Yêu cầu học sinh phải hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin.

4.4. Môn Tin học:

4.4.1. Thời gian làm bài kiểm tra: 35 phút

Bài kiểm tra tin học gồm 40% thời gian cho bài tập lý thuyết và 60% cho bài tập thực hành.

* *Mức độ và mạch kiến thức, kỹ năng:*

a) Đối với lớp 3:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 15%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 25%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

b) Đối với lớp 4:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 20%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 20%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

c) Đối với lớp 5:

- Mức 1: Nhận biết: khoảng 30%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 10%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 30%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 30%.

4.4.2. Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn Tin học theo Thông tư 22).

4.4.3. Đề kiểm tra:

- Giáo viên tin học dạy khối lớp nào thì ra đề kiểm tra cho khối lớp đó, mỗi khối chuẩn bị ba đề kiểm tra và cho tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một trong các đề kiểm tra này;

- Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn tin học, đề kiểm tra bao gồm hai phần: cho phần lý thuyết và cho thực hành;

- Khuyến khích ra đề kiểm tra lý thuyết dưới dạng trắc nghiệm, có thể sử dụng các phần mềm tạo trắc nghiệm để chuẩn bị sẵn cho học sinh làm bài trắc nghiệm ngay trên máy tính;

- Đề kiểm tra thực hành bảo đảm có nhiều dạng bài tập từ cơ bản (thực hành theo mẫu cho sẵn) đến nâng cao (thực hành sáng tạo).

4.5. Môn tiếng Anh:(tăng cường tiếng Anh- tiếng Anh tự chọn - tiếng Anh đề án): hiệu trưởng nhà trường chủ động sắp xếp thời gian kiểm tra cuối năm học.

4.5.1. Thời gian làm bài kiểm tra: 35 phút

a) Tiếng tăng cường lớp 1,2 giáo trình Phonics:



- Mức 1: Nhận biết: khoảng 5%;
- Mức 2: Thông hiểu: khoảng 40%;
- Mức 3: Biết vận dụng giải quyết những vấn đề quen thuộc: khoảng 40%;
- Mức 4: Vận dụng giải quyết vấn đề mới: khoảng 15%.

b) Tỷ lệ ra đề kiểm tra đối với các khối lớp

- Lớp 3:

+ Listening: 16 câu (40%)

+ Reading : 8 câu (20%)

+ Writing: 8 câu (20%)

+ Speaking: 8 câu (20%)

- Lớp 4:

+ Listening: 14 câu (35%)

+ Reading : 10 câu (25%)

+ Writing: 8 câu (20%)

+ Speaking: 8 câu (20%)

- Lớp 5:

+ Listening: 10 câu (25%)

+ Reading : 10 câu (25%)

+ Writing: 10 câu (25%)

+ Speaking: 10 câu (25%)

Lưu ý: đối với lớp 4:

- Phần nghe giao động từ 30% - 35% nên nếu giáo viên thiết kế 30% thì 12 câu, nếu 35% thì 14 câu.

- Phần đọc và viết giao động từ 45%-50% nên nếu giáo viên thiết kế 45% thì 18 câu, nếu 50% thì 20 câu.

4.5.2. Ra đề kiểm tra theo ma trận

Khung ma trận, mỗi ô trong khung nêu: Mạch kiến thức, kỹ năng cần đánh giá; số câu, số điểm; các mức; tổng số câu, số điểm.

(Tham khảo tài liệu tập huấn hướng dẫn đánh giá học sinh tiểu học môn tiếng Anh theo Thông tư 22).

4.5.3. Đề kiểm tra

a) *Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình tiếng Anh theo giáo trình UK English Program:*

- Lớp 1: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối năm đạt chuẩn 3/15 khiên của mức độ STARTERS;

- Lớp 2: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối năm đạt 7/15 khiên của mức độ STARTERS.

b) *Mức độ đánh giá đối với học sinh chương trình Tiếng Anh tự chọn và Đề án (4 tiết/tuần) cuối năm:*

- Lớp 3: độ khó tối đa của đề kiểm cuối năm đạt 9/15 khiên của mức độ STARTERS;

- Lớp 4: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối năm đạt 13/15 khiên của mức độ STARTERS;

- Lớp 5: độ khó tối đa của đề kiểm tra cuối năm đạt: 10/15 khiên của mức độ MOVERS.



Lưu ý chung: Khi đánh giá giáo viên cần tham khảo bảng tham chiếu chuẩn đánh giá cuối năm học môn tiếng Anh của từng khối lớp theo tài liệu hướng dẫn của Thông tư 22.

Phòng GD&ĐT yêu cầu hiệu trưởng các trường triển khai công văn này đến từng giáo viên để thực hiện việc kiểm tra cuối năm học nhẹ nhàng, không căng thẳng nhưng thật sự có chất lượng, đảm bảo đúng thực chất./.

Nơi nhận:

- Như trên; (t/h)
- TP, các PTP;
- Các CV;
- Lưu: VT, GDTH.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



[Handwritten signature]
Lương Bá Tuệ

